

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2020

“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung

Ông Nguyễn Trường Dương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1989;

Trú tại: Số 58/3, ấp LH, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1984;

Cùng trú tại: Số 89/5, ấp LH, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tường trình nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125/KH; nơi đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; ngày đăng ký 10/12/2010. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống làm cho cuộc sống hôn nhân vô cùng căng thẳng dẫn đến cãi vã, xúc phạm và đánh nhau. Anh T là người không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, dẫn đến nhiều vấn đề trong cuộc sống không có tiếng nói chung, thường xuyên xung đột, cãi vã. Hiện tại, anh T và chị không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Có ba con chung là Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 07/6/2007, Nguyễn Hoàng Tú T, sinh ngày 30/11/2011 và Nguyễn Hoàng Tuấn P, sinh ngày 04/01/2014.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Hoàng Cẩm T và Nguyễn Hoàng Tú T. Đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng Tuấn P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Do bận việc nên chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2020, bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Thùy T, sau khi tìm hiểu đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125/KH; nơi đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; ngày đăng ký 10/12/2010. Trong quá trình chung sống, giai đoạn đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng. Anh muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau nuôi con.

Về con chung: Có ba con chung là Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 07/6/2007, Nguyễn Hoàng Tú T, sinh ngày 30/11/2011 và Nguyễn Hoàng

Tuấn P, sinh ngày 04/01/2014.

Trường hợp, chị T vẫn cương quyết ly hôn và Tòa án xử ly hôn thì anh đồng ý giao hai con chung là Nguyễn Hoàng Cẩm T và Nguyễn Hoàng Tú T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Tuấn P và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh T có đăng ký kết hôn tự nguyện và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh T không chăm lo làm ăn, mặc dù gia đình đã khuyên bảo, hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Hiện nay, anh T và chị T đã không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn với anh T.

Về con chung: Có ba con chung là Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 07/6/2007, Nguyễn Hoàng Tú T, sinh ngày 30/11/2011 và Nguyễn Hoàng Tuấn P, sinh ngày 04/1/2014. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai con chung là Nguyễn Hoàng Cẩm T và Nguyễn Hoàng Tú T. Đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng Tuấn P cho anh T nuôi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Điều này là phù hợp với ý kiến của anh T và nguyện vọng của các con chung nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có;

Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T, địa chỉ số 89/5, ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Do đó, chị T được xác định là nguyên đơn, anh T được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010, đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125/KH; nơi đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; ngày đăng ký 10/12/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T và được Tòa án thụ lý ngày 02/6/2020 nên áp dụng thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2.2]. Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong quá trình chung sống, thời gian đầu giữa anh T và chị T hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn là có thật (bút lục: 23, 24, 25). Anh T và chị T bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong xây dựng hạnh phúc gia đình, mặc dù gia đình hai bên đã khuyên bảo, hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Điều này được thể hiện tại biên bản xác minh tại địa phương (bút lục 22). Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các bản bản tố tụng và cũng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không thể hiện thiện chí hàn gắn, hòa giải như anh trình bày. Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2020 (bút lục 25), anh T trình bày: “*Mâu thuẫn vợ chồng là có thật... nhưng muốn hàn gắn vì các con, để vợ chồng cùng nuôi dạy các cháu*”. Tuy nhiên, anh không đưa ra bất cứ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với chị T. Giữa anh T và chị T đã không còn sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Như vậy, chứng tỏ thực tế giữa anh T và chị T không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, không cùng mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, Hội

đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của chị T và anh T không đạt được nên việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về con chung: Có ba con chung là Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 07/6/2007, Nguyễn Hoàng Tú T, sinh ngày 30/11/2011 và Nguyễn Hoàng Tuấn P, sinh ngày 04/01/2014. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Hoàng Cẩm T và Nguyễn Hoàng Tú T. Đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng Tuấn P cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Điều này phù hợp với ý kiến của anh T và nguyện vọng của các con chung (bút lục 25, 26, 27) nên được chấp nhận.

[2.4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[2.5]. Về nợ chung: Không có nợ chung.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung:

Giao các con chung Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 07/6/2007 và Nguyễn Hoàng Tú T, sinh ngày 30/11/2011 cho chị Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tuấn P, sinh ngày 04/01/2014

cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời, chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Minh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Minh T. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007312 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Tây Hòa;
 - (Giấy CNKH số: 125/KH, ngày 10/12/2010)
 - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán;
- Mẫu 52-DS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Tra

